

Số: 270/QĐ-THPTĐG

Điện Biên Phủ, ngày 25 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v công khai thực hiện dự toán thu, chi Ngân sách quý II năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT PHAN ĐÌNH GIÓT

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC, ngày 28/9/2018 của Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC về hướng dẫn công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Xét đề nghị của Phụ trách Kế toán nhà trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước quý II năm 2024 của trường THPT Phan Đình Giót (có biểu chi tiết kèm theo).

Điều 2. Giao Phụ trách Kế toán tổ chức thực hiện công khai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Giám hiệu, Ban chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Các tổ và Phụ trách Kế toán chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Thành Luân

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

Kèm theo Quyết định số 270/QĐ-THTPDG ngày 25/7/2024 của Hiệu trưởng trường THPT Phan Đình Giót)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;
Trường THPT Phan Đình Giót công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý II năm 2024 như sau:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý II năm 2024	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý II năm nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu SXKD, dịch vụ				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi SXKD, dịch vụ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		5.317.078.451		
I	Nguồn ngân sách trong nước		5.317.078.451		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		5.317.078.451		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.236.508.451		
	- Mục: 6100 Phụ cấp lương		1.035.742.439		
	6101: Phụ cấp chức vụ		24.078.462		

6102: Phụ cấp khu vực		180.396.923		
6112: Phụ cấp ưu đãi nghề		528.600.453		
6113: Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc		11.131.800		
6115: Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề		289.014.801		
6121: Phụ cấp công tác lâu năm		2.520.000		
- Mục: 6000 Tiền lương		1.541.636.306		
6001: Lương theo ngạch, bậc		1.541.636.306		
6049: Lương khác				
- Mục: 7850 Chi cho công tác Đảng ở tổ chức Đảng cơ sở và các cấp trên cơ sở, các đơn vị hành chính, sự nghiệp		7.020.000		
7854: Chi thanh toán các dịch vụ, vật tư, thông tin tuyên truyền, liên lạc; chi đào tạo, bồi dưỡng NV, công tác Đảng, các CP Đảng vụ khác và phụ cấp		7.020.000		
- Mục: 6050 Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		23.078.400		
6051: Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng		23.078.400		
- Mục: 6500 Thanh toán dịch vụ công cộng		73.836.951		
6501: Tiền điện		21.127.608		
6502: Tiền nước		52.709.343		
- Mục: 6600 Thông tin, tuyên truyền, liên lạc		4.320.345		
6601: Cước phí điện thoại (không bao gồm khoán điện thoại); thuê bao đường điện thoại; fax		341.880		
6603: Cước phí bưu chính				
6605: Thuê bao kênh vệ tinh; thuê bao cáp truyền hình; cước phí Internet; thuê đường truyền mạng		3.978.465		
6606: Tuyên truyền; quảng cáo				
- Mục: 6900 Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng		0		
6912: Các thiết bị công nghệ thông tin				
6913: Tài sản và thiết bị văn phòng				
6921: Đường điện, cấp thoát nước				
- Mục: 6550 Vật tư văn phòng		0		
6551: Văn phòng phẩm				
6552: Mua sắm công cụ, dụng cụ văn phòng				
6599: Vật tư văn phòng khác				
- Mục: 7000 Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành				
7001: Chi mua hàng hóa, vật tư				

	7012: Chi phí hoạt động nghiệp vụ chuyên ngành			
	- Mục: 6250 Phúc lợi tập thể		0	
	6299: Chi khác			
	- Mục: 6300 Các khoản đóng góp		474.144.010	
	6301: Bảo hiểm xã hội		325.546.988	
	6302: Bảo hiểm y tế		55.808.056	
	6303: Kinh phí công đoàn		74.186.280	
	6304: Bảo hiểm thất nghiệp		18.602.686	
	- Mục: 6200 Tiền thưởng		0	
	6201: Thưởng thường xuyên			
	- Mục: 6700 Công tác phí		0	
	6701: Tiền vé máy bay, tàu, xe			
	6702: Phụ cấp công tác phí			
	6703: Tiền thuê phòng ngủ			
	- Mục: 7050 Mua sắm tài sản vô hình		0	
	7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin			
	Mục: 7750 Chi khác		76.730.000	
	7799: Chi các khoản khác		76.730.000	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		2.080.570.000	
	Mục 6150 - Học bổng và hỗ trợ khác cho học sinh, sinh viên cán bộ đi học		2.064.570.000	
	6157: Hỗ trợ đối tượng chính sách chi phí học tập		301.650.000	
	6199: Các khoản hỗ trợ khác		1.762.920.000	
	Mục: 7050 Mua Sắm tài sản vô hình		16.000.000	
	7053: Mua, bảo trì phần mềm công nghệ thông tin		16.000.000	
	- Mục: 7750 Chi khác			
	7766: Cấp bù học phí cho cơ sở giáo dục đào tạo theo chế độ			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi đảm bảo xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
II	Nguồn vốn viện trợ			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			



3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Điện Biên Phủ, ngày 25 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Thành Luân